

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2025

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Phong và ông Nguyễn Phúc Hiếu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST- HNGĐ ngày 05/3/2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Thành Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện kết hôn với anh Lê Thành Đ, có đăng ký kết hôn ngày 13/9/1996 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã P), huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nên hôn nhân không có mục đích. Nhiều năm qua chị phải đi xa làm ăn nhưng anh Đ không quan tâm cùng chị vun vén kinh tế gia đình, không chừa chu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị phải lo toan nên vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc về kinh tế. Chị T và anh Đ ở cùng một nhà

nhưng từ lâu vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 25/8/1997 và cháu Lê Thị Bảo N, sinh ngày 24/9/2008. Cháu L đã trưởng thành, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Cháu N hiện nay đang sinh sống cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình, đất nông nghiệp: Chị T xác định sẽ tự thỏa thuận với anh Đ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Thành Đ

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Bảo N, sinh ngày 24/9/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động được. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu; Đối với cháu L đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động được, chị T không đề nghị nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thành Đ là tranh chấp hôn nhân gia đình. Bị đơn (anh Đ) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án trình bày quan điểm giải quyết vụ việc.

chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vì vậy Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải giữa hai bên. Anh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (không có đơn xét xử vắng mặt); Chị T có đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt; HĐXX căn cứ Khoản 1, Đ1 b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh Đ là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Thành Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/9/1996 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã P), huyện L, tỉnh Phú Thọ, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã thực hiện thủ tục báo gọi nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án để trình bày quan điểm. Tuy nhiên, qua lời trình bày của nguyên đơn, chị T khẳng định giữa vợ chồng chị có mâu thuẫn trầm trọng về kinh tế dẫn đến không còn tình cảm, chị cho rằng anh Đ đã không chín chu làm ăn, không có trách nhiệm về kinh tế đối với gia đình. Hiện nay vợ chồng sống cùng trong nhà nhưng không ai còn quan tâm đến ai, hiện nay một mình chị vẫn đang phải tự chịu trách nhiệm lao động để trả các khoản nợ trong gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chính quyền địa phương và khu dân cư không có thông tin vì anh chị không đề nghị hòa giải tại cơ sở.

Hôn nhân là sự tự nguyện chung sống và cùng có trách nhiệm, thống nhất với nhau giữa vợ và chồng về mọi mặt từ tình cảm, kinh tế, con chung..., tuy nhiên chị T đã không còn niềm tin về cuộc sống chung cùng anh Đ và khẳng định không còn mong muốn cùng anh Đ xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xác minh các thành viên trong gia đình anh Đ gồm bà B (mẹ đẻ anh Đ) và chị L (con gái anh Đ) đều khẳng định, sau khi anh Đ nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy báo thì đã bỏ đi làm ăn. Các văn bản tố tụng chị L đã nhận thay anh Đ và gửi đến cho anh Đ. Anh Đ đã biết được thông tin chị T có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đề nghị giải quyết ly hôn, đã được Tòa án triệu tập đến để trình bày quan điểm nhưng anh Đ đã không đến để làm việc, điều đó chứng tỏ anh Đ không thể hiện có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ hay không. Từ đó có thể thấy, mâu thuẫn của chị T, anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T đề nghị xin được ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 25/8/1997 và cháu Lê Thị Bảo N, sinh ngày 24/9/2008. Cháu L hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động được, chị T không đề nghị Tòa án xem xét việc nuôi

cháu L, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với cháu N hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu N là con gái lại có nguyện vọng được ở với mẹ, xét giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị Bích T, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đ không đến Tòa án làm việc, không thể hiện được quan điểm của mình, vì vậy HĐXX tách các nội dung trên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Đ1 b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Thành Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Bảo N, sinh ngày 24/9/2008 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động được.

Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000831 ngày 05/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí)

Chị Nguyễn Thị Bích T, anh Lê Thành Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã Phùng Nguyên;
(ĐKKH 13/9/1996)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thanh Loan